

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST

Ngày 21/01/2021

*“V/v Tranh chấp về quyền sử
dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà **Nguyễn Thúy Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Đình Tiến**

2. Bà **Trần Thị Kim Thủy**

- Thư ký phiên tòa: bà **Trần Thị Thảo** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà **Trần Thị Hương Huyền** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/01/2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2020/TLST - DS ngày 28/10/2020 về việc: *“Tranh chấp về quyền sử dụng đất”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2020/QĐXXST-DS ngày 21/12/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh **Điệp Văn B1**, sinh năm 1973; địa chỉ: thôn Đ, xã S, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- Bị đơn: ông **Tây Xuân Đ**, sinh năm 1963; địa chỉ: thôn Vườn Rậm, xã S, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Điệp Văn L**, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn Đ, xã S, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. Bà **Hoàng Thị L**, sinh năm 1963; địa chỉ: thôn Vườn Rậm, xã S, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Tây Xuân Đ**, sinh năm 1963; địa chỉ: thôn Vườn Rậm, xã S, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3. Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ: Phường Hồng Gai, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện: ông **Nguyễn Huy B2** – Chức vụ: phó Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền, theo Quyết định ủy quyền số: 2735/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2019 và trong thời gian chuẩn bị xét xử nguyên đơn anh Điệp Văn B trình bày: Năm 1992, hộ gia đình ông Điệp Văn Kim là bố mẹ của tôi và anh Điệp Văn L được Ủy ban nhân dân huyện H (nay là Ủy ban nhân dân thành phố H), tỉnh Quảng Ninh cấp sổ giao đất giao rừng cho sử dụng thửa đất lâm nghiệp có diện tích là 1,2ha tại tiểu khu 84, khoảnh 1, thôn Đ, xã S, huyện H (nay là thành phố H), tỉnh Quảng Ninh. Năm 1993, ông Kim chết. Ngày 20/5/2008, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Kim đã họp gia đình thống nhất giao cho tôi và anh L được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất lâm nghiệp nói trên. Tôi và anh L đã đăng ký cấp đổi lại sổ giao đất giao rừng sang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 30/11/2011, Ủy ban nhân dân huyện H (nay là thành phố H), tỉnh Quảng Ninh (gọi tắt là UBND thành phố H) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tôi và anh L số: BC 069895 và số: BC 069896; vào sổ cấp số: CH 00046. Cuối năm 2018, gia đình ông Tảo Xuân Đ san gạt, lấn chiếm đất rừng của tôi và anh L, chúng tôi đã có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã S và UBND thành phố H giải quyết, đã xác định ông Đức lấn chiếm vào đất rừng của chúng tôi diện tích (120m x 05m) và đã trồng cây keo nhưng ông Đức cố tình không trả lại đất rừng cho chúng tôi. Do đó, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình ông Đức phải trả lại cho chúng tôi diện tích đất rừng đã lấn chiếm là khoảng 600m², phải nhổ hết số cây keo trồng trên đất và phục hồi nguyên trạng đường vào thửa đất của chúng tôi. Qua kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án đối với tài sản đang tranh chấp, xác định: diện tích đất rừng của chúng tôi đang bị gia đình ông Đức quản lý sử dụng trồng cây keo là khoảng 196m². Tôi xin thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu gia đình ông Đức trả lại diện tích này, tôi và anh L sẽ thanh toán giá trị số cây keo theo kết quả định giá của Tòa án.

Tại phiên tòa, anh B trình bày: việc tranh chấp đất đai giữa hai gia đình đã kéo dài hơn 2 năm nay, tuy theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án xác định diện tích đất ông Đức đang chiếm giữ của tôi và anh L như nêu trên nhưng đến nay, tôi chỉ yêu cầu gia đình ông Đức trả lại diện tích đất lâm nghiệp là 131,3m², tôi và anh L sẽ thanh toán giá trị số cây keo của gia đình ông Đức đang trồng trên diện tích đất này theo kết quả định giá của Tòa án và đề nghị UBND thành phố H điều chỉnh lại

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC 069895 và số: BC 069896; vào sổ cấp số: CH 00046 cấp ngày 30/11/2011 theo đúng hiện trạng và loại đất của tôi và anh L được giao sử dụng, để chấm dứt sự tranh chấp giữa hai gia đình. Còn các nội dung yêu cầu khởi kiện khác, tôi không yêu cầu nữa. Đối với nghĩa vụ chịu án phí; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị L, là ông Tây Xuân Đ trình bày: Từ năm 1991, gia đình tôi được giao đất rừng đến năm 2012, được Ủy ban nhân dân huyện H (nay là thành phố H), tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 041928 ngày 20/6/2012, đối với 112515,0m² đất rừng tại thửa đất số: 518, 606; tờ bản đồ số 02; bản đồ địa chính đất lâm nghiệp; địa chỉ tại khoảng 8, 12 tiểu khu 83,84 thôn Đồng Giũa, xã S, huyện H (nay là thành phố H), tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra năm 2018, gia đình tôi còn nhận chuyển nhượng lại 03 thửa đất của ông Hoàng Thế B3 (năm 2014, ông B3 mua của ông bà Quảng- Chiu; ông bà Lợi và ông bà Pha – Nhiệm) cùng ở xã S nhưng chưa làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh B và anh L cho rằng gia đình tôi đã lấn chiếm đất lâm nghiệp của anh B và anh L, với diện tích khoảng 600m², đã yêu cầu Ủy ban nhân dân xã S và UBND thành phố H giải quyết và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình tôi phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 196m². Gia đình tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B và anh L, gia đình tôi yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC 069895 và số: BC 069896; vào sổ cấp số: CH 00046, do Ủy ban nhân dân huyện H (nay là thành phố H), tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 30/11/2011 mang tên Điệp Văn B và Điệp Văn L, để xác định nếu đúng diện tích đất anh B và anh L đang tranh chấp là của anh B và anh L thì gia đình tôi sẽ trả lại cho anh B và anh L, còn số cây keo của gia đình tôi trên đất thì thỏa thuận giá theo thời điểm giải quyết.

Tại phiên tòa ông Tây Xuân Đ trình bày: gia đình tôi yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật để anh B và anh L, không nay đưa ra yêu cầu này, lần sau lại đưa ra yêu cầu khác nữa. Qua nghe Hội đồng xét xử phân tích, anh B và anh L đã thống nhất đưa ra phương án giải quyết tranh chấp đất đai giữa hai gia đình như nêu trên, gia đình tôi nhất trí đề nghị Hội đồng xét xử quyết định để hai gia đình thực hiện. Về nghĩa vụ chịu án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Điệp Văn L trình bày phù hợp với lời trình bày và quan điểm của nguyên đơn anh Điệp Văn B.

*Trong quá trình tố tụng người đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND thành phố H, là ông Nguyễn Huy B2 trình bày: Đất lâm nghiệp UBND thành phố H đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC 069895 và số BC 069896; vào sổ cấp số: CH 00046 ngày 30/11/2011 cho anh Điệp Văn B và anh Điệp Văn L sử dụng có sự chồng lấn lên diện tích đất nông nghiệp gia đình ông Tây Xuân Đ đang sử dụng như kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H đã xác định. Theo quy định của Luật Đất đai thì UBND thành phố H thực hiện thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC 069895 và số BC 069896; vào sổ cấp số: CH 00046 ngày 30/11/2011 đã cấp cho anh Điệp Văn B và anh Điệp Văn L, để cấp lại giấy chứng nhận cho anh B và anh L theo đúng ranh giới, diện tích và loại đất đang sử dụng nhưng anh B, anh L và ông Đức vẫn không thống nhất được với nhau. Hơn nữa, UBND tp H phải thực hiện theo quy trình nhưng vụ việc đang do Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết nên UBND thành phố H sẽ thực hiện theo quyết định tại bản án, quyết định của Tòa án khi có hiệu lực pháp luật. Với sự thỏa thuận giữa anh B, anh L và ông Đức như nêu trên là đã giải quyết được tranh chấp giữa các bên, UBND thành phố H căn cứ vào quyết định có hiệu lực của Tòa án để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh B và anh L theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án về cơ bản theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Điệp Văn B: Tại phiên tòa, các bên đương sự tự thỏa thuận giải quyết được với nhau như nêu trên. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Đối với nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng, các đương sự không thỏa thuận được, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ do anh Điệp Văn B nộp kèm theo đơn khởi kiện; căn cứ tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; tuy người bị kiện ông Tây Xuân Đ có địa chỉ tại thôn Vườn Rậm, xã S, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; tài sản tranh chấp là bất động sản tại thôn Đ, xã S, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh nhưng căn cứ kết quả xác minh, thu thập chứng cứ xét

thấy: Đất lâm nghiệp UBND thành phố H đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC 069895 và số: BC 069896; vào sổ cấp số: CH 00046 ngày 30/11/2011 cho anh Điệp Văn B và anh Điệp Văn L sử dụng có sự chồng lấn lên diện tích đất nông nghiệp gia đình ông Tây Xuân Đ đang sử dụng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Điệp Văn B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại Điều 34 và điểm a Khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về kết quả xác minh, thu thập chứng cứ:

*Ngày 30/10/2019 và ngày 29/6/2020, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản đang tranh chấp, đã xác định được như sau:

*Diện tích đất anh B và anh L đang tranh chấp với gia đình ông Đức gồm có:

- Diện tích đất gia đình ông Đức đang quản lý sử dụng: ký hiệu S4, diện tích 131,3m² nằm trong ranh giới đất lâm nghiệp của anh B và anh L được UBND huyện H (nay là thành phố H) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, hiện tại gia đình ông Đức đang sử dụng để trồng cây keo. Cụ thể có 61 (sáu mươi một) cây keo, cao trung B 120cm; ký hiệu S5 + S6, diện tích 16,2m² đất nông nghiệp.

- Diện tích đất gia đình ông Đức đang quản lý sử dụng nhưng anh B và anh L cho là đất của anh B và anh L được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC 069895 và số: BC 069896; vào sổ cấp số: CH 00046 ngày 30/11/2011: ký hiệu S1 diện tích 9,8m² là đất lâm nghiệp; ký hiệu S2 diện tích 38,7m² và ký hiệu S3 diện tích 08m², tổng S2+S3 có diện tích 46,7m², đều là đất nông nghiệp. Trên S2, gia đình ông Đức có trồng 23 cây keo, cao từ 01m – 02m.

(Thể hiện tại bản đồ xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30/10/2019 và ngày 29/6/2020)

- Căn cứ vào kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ đã xác định: UBND huyện H (nay là thành phố H), khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC 069895 và số: BC 069896; vào sổ cấp số: CH 00046 ngày 30/11/2011 cho anh B và anh L bị chồng lấn lên 56,5m² diện tích đất ruộng của gia đình ông Đức đang sử dụng để trồng cây keo (ký hiệu là S1 diện tích 9,8m²; S2 +S3, diện tích 46,7m² tại Bản đồ khảo sát hiện trạng sử dụng đất ngày 29/6/2020). Cụ thể tại S2 có 23 cây keo, cao từ 01m – 02m.

*Kết quả định giá tài sản ngày 21/11/2019, xác định: 61 cây keo, cao trung B 120cm có giá trị: 61 cây x 1.500.000 đồng/cây = 915.000 đồng.

*Tại biên bản về việc xác định giá đất và tài sản trên đất đang tranh chấp ngày 21/02/2020, xác định:

- Giá trị đất rừng có giá là 5.500 đồng/m², cụ thể: 131,3m² x 5.500 đồng/m² = 722.150 đồng;

- Giá trị đất nông nghiệp có giá là 54.000 đồng/m², cụ thể: 56,5m² x 54.000 đồng/m² = 3.051.000 đồng.

[3] Về nội dung: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Điệp Văn B, xét thấy tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận giải quyết được với nhau như sau:

- Ông Tây Xuân Đ bà Hoàng Thị L đồng ý trả lại anh Điệp Văn B và anh Điệp Văn L diện tích đất 131,3m² nằm trong ranh giới đất lâm nghiệp của anh B và anh L được UBND huyện H (nay là thành phố H) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC 069895 và BC 069896; vào sổ cấp số: CH 00046 ngày 30/11/2011; tài sản trên đất gồm 61 cây keo, cao trung B 120cm có giá trị: 61 cây x 1.500.000 đồng/cây = 915.000 đồng.

- Anh Điệp Văn B và anh Điệp Văn L có trách nhiệm thanh toán cho ông Tây Xuân Đ bà Hoàng Thị L giá trị 61 cây keo là 915.000 đồng.

- UBND thành phố H căn cứ quyết định của Tòa án điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC 069895 và BC 069896; vào sổ cấp số: CH 00046 cấp ngày 30/11/2011 mang tên người sử dụng đất Điệp Văn B và Điệp Văn Lý theo đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và án phí:

[4.1] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh B đã yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ và ra quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản. Anh B đã chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với tổng số tiền 6.000.000 đồng. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 157 và Khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận nên buộc ông Đức và bà L phải hoàn trả 6.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản cho anh B.

[4.2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận và đối với nghĩa vụ dân sự phải thanh toán nên buộc ông Đức và bà L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; anh B và anh L phải chịu 300.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Đức và bà L.

Số tiền án phí anh B và anh L phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002265 ngày 19/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H (nay là thành phố H), tỉnh Quảng Ninh.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26; Khoản 1 Điều 34; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 157; Khoản 1 Điều 165 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự. Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Điệp Văn B đối với ông Tây Xuân Đ bà Hoàng Thị L:

- Ông Tây Xuân Đ bà Hoàng Thị L trả lại anh Điệp Văn B và anh Điệp Văn L diện tích đất 131,3m² nằm trong ranh giới đất lâm nghiệp của anh B và anh L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC 069895 và BC 069896; vào sổ cấp số: CH 00046 do Ủy ban nhân dân huyện H (nay là thành phố H), tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 30/11/2011 mang tên người sử dụng đất Điệp Văn B và Điệp Văn L; tài sản trên đất gồm 61 cây keo, cao trung B 120cm; trị giá 915.000 đồng (*Chín trăm, mười lăm nghìn đồng*).

- Anh Điệp Văn B và anh Điệp Văn L có trách nhiệm thanh toán cho ông Tây Xuân Đ và bà Hoàng Thị L số tiền 915.000 đồng (*Chín trăm, mười lăm nghìn đồng*).

- Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh căn cứ quyết định của Tòa án điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC 069895 và BC 069896; vào sổ cấp số: CH 00046 do Ủy ban nhân dân huyện H (nay là thành phố H), tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 30/11/2011 mang tên người sử dụng đất Điệp Văn B và Điệp Văn Lý theo đúng quy định của pháp luật.

(Có bản đồ xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/6/2020 kèm theo)

[2] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và án phí:

[2.1] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Buộc ông Tây Xuân Đ và bà Hoàng Thị L phải hoàn trả 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản cho anh Điệp Văn B.

[2.2] Về án phí:

Buộc ông Tây Xuân Đ và bà Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc anh Điệp Văn B và anh Điệp Văn L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số

0002265 ngày 19/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H (nay là thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Anh B và anh L đã nộp đủ án phí.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật; những người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà những người phải thi hành án không trả đủ số tiền phải thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đình Tiến

Trần Thị Kim Thủy

Nguyễn Thúy Hằng

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Các đương sự;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Q.N;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Hằng